

(Ông Bùi Công T có mặt; Bà Hồ Thị P và bà Trần Thị Ái Vân có đơn đề nghị vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/6/2024 của nguyên đơn và các lời khai trong quá trình giải quyết người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Vào ngày 27/4/2024 bà Bạch Thị H với ông Phạm Đình T1 có thỏa thuận việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và để đảm bảo việc chuyển nhượng QSD đất nên giữa bà H với ông T1 có thực hiện hợp đồng đặt cọc về việc chuyển nhượng QSD đất đối với thửa đất số 49, thửa 28, tờ bản đồ 30, diện tích lần lượt là 7878m² và 5579 m², thôn 2, xã B' Lá, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng với giá chuyển nhượng là 3.200.000.000 đồng, bà H đặt cọc số tiền 200.000.000 đồng. Hợp đồng đặt cọc được viết theo mẫu in sẵn, bà Nguyễn Thị Ái V đứng ra đặt cọc thay cho bà H. Số tiền 200.000.000 đồng là tiền của bà H chứ không phải của bà Vân. Theo thỏa thuận tại hợp đồng đặt cọc ngày 27/4/2024 thì hai bên thỏa thuận thời hạn đặt cọc là 45 ngày, kể từ ngày 27/4/2024 đến ngày 11/6/2024 thì bên chuyển nhượng sẽ cùng bên nhận chuyển nhượng thực hiện thủ tục công chứng theo quy định của pháp luật, đến ngày công chứng thì sẽ giao đủ tiền. Về thuế, phí do bên mua bà Bạch Thị H chịu. Bên bán cam kết đất không tranh chấp, đúng số lô, số thửa, không quy hoạch và bên mua được quyền chuyển nhượng cho bên thứ 3. Tại phần cam kết chung bên bán cam kết là tài sản của mình, không bị tranh chấp, không thừa kế, không có tranh chấp. Sau khi hợp đồng được ký kết, quá thời hạn thỏa thuận nếu bên bán không bán thì phải bồi thường cho bên mua gấp 2 lần, nếu bên mua không mua thì mất số tiền đặt cọc.

Tuy nhiên đến ngày 07/6/2024 thì bà H phát hiện ra một phần diện tích đất thuộc thửa đất số 49, thửa 28, tờ bản đồ 30 bị quy hoạch đất khoáng sản và đất lâm nghiệp nên bà H thay đổi thỏa thuận lại giá cả chuyển nhượng nhưng ông T1 không đồng ý nên bà H không đồng ý tiếp tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên và ông T1 cũng không đồng ý trả lại tiền. Do vậy Bạch Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm giải quyết hủy hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 27/4/2024 giữa ông Phạm Đình T1 và bà Nguyễn Thị Ái V đối với thửa đất 28, 49, tờ bản đồ số 30 thôn 2, xã B' Lá, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng; buộc ông Phạm Đình T1 phải trả lại số tiền đặt cọc cho bà Bạch Thị H là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

Bị đơn ông Phạm Đình T1 và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: Vào ngày 27/4/2024 ông Phạm Đình T1 có lập hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa đất số 28 và 49, tờ bản đồ số 30 thôn 2, xã B' Lá, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng theo giấy chứng nhận QSD đất số AD 672240 và AD 672241 với giá chuyển nhượng 3.200.000.000 đồng. Bà H đã đặt cọc 200.000.000đ, số tiền còn lại là 3.000.000.000đ, thời hạn đặt cọc 45 ngày kể từ ngày 27/4/2024 đến ngày 11/6/2024 thì hai bên sẽ làm thủ tục công chứng, chuyển nhượng tại Cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Khi xong thủ tục chuyển nhượng thì bà H phải trả nốt số tiền 3.000.000.000 đồng còn lại cho ông. Tuy nhiên bà H không có mặt mà nhờ bà Nguyễn Thị Ái V ký tên thay, còn tiền đặt

cọc là của bà H. Theo thỏa thuận tại hợp đồng đặt cọc ngày 27/4/2024 thì hai bên thỏa thuận thời hạn đặt cọc là 45 ngày, kể từ ngày 27/4/2024 đến ngày 11/6/2024 thì bên chuyển nhượng sẽ cùng bên nhận chuyển nhượng thực hiện thủ tục công chứng theo quy định của pháp luật, đến ngày công chứng thì sẽ giao đủ tiền. Về thuế, phí do bên mua bà Bạch Thị H chịu. Bên bán cam kết đất không tranh chấp, đúng số lô, số thửa, không quy hoạch và bên mua được quyền chuyển nhượng cho bên thứ 3. Tại phần cam kết chung bên bán cam kết là tài sản của mình, không bị tranh chấp, không thừa kế, không có tranh chấp. Sau khi hợp đồng được ký kết, quá thời hạn thỏa thuận nếu bên bán không bán thì phải bồi thường cho bên mua gấp 2 lần, nếu bên mua không mua thì mất số tiền đặt cọc.

Ngày 11/6/2024 bà H hẹn ông T1 đến Văn phòng công chứng Nguyễn Thị Thanh để giao tiền còn lại và hoàn tất thủ tục chuyển nhượng QSD đất nhưng bà H không đến. Sau đó bà H tìm cách không mua nữa mà muốn hủy hợp đồng đặt cọc vì cho rằng đất thuộc quy hoạch khoáng sản và có một phần là đất lâm nghiệp. Ngày 28/6/2024 ông T1 hẹn bà H đến Văn phòng công chứng Trịnh Tuấn Anh ở thị trấn Lộc Thắng để hoàn tất thủ tục chuyển nhượng nhưng bà H không đến. Vì vậy, Ông Phạm Đình T1 yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm giải quyết hủy hợp đồng đặt cọc ngày 27/4/2024 giữa ông T1 với bà H, ông T1 không đồng ý trả lại số tiền đã nhận cọc do bà H tự chấm dứt việc chuyển nhượng QSD đất chứ ông T1 vẫn đồng ý chuyển nhượng QSD đất cho bà H đúng thời hạn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ái V trình bày:

Ngày 27/4/2024 giữa bà Bạch Thị H và ông Phạm Đình T1 có thực hiện việc đặt cọc về việc chuyển nhượng QSD đất tại thửa đất số 49, thửa số 28, tờ bản đồ 30, xã B' Lá, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng. Do bà H có công việc nên đã nhờ bà Vân đứng ra giao số tiền đặt cọc cho ông T1 và ký tên thay bên đặt cọc. Bà Vân cam đoan toàn bộ số tiền 200.000.000 đồng là của bà H không liên quan gì đến bà Vân. Tuy nhiên đến ngày 07/6/2024 bà H có liên lạc với bà Vân để cùng thương lượng với ông T1 về việc chuyển nhượng QSD đất vì bà H biết đất có một phần bị quy hoạch đất khoáng sản và đất lâm nghiệp nhưng ông T1 không đồng ý thỏa thuận nên hai bên tranh chấp với nhau.

Nay bà Bạch Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm giải quyết tuyên hủy hợp đồng đặt cọc ngày 27/4/2024 giữa bà H với ông T1 và yêu cầu ông T1 trả lại số tiền 200.000.000 đồng đã nhận cọc thì bà Vân đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bà Vân cam đoan số tiền 200.000.000 đồng không liên quan đến bà Vân mà của bà H nên bà Nguyễn Thị Ái V đề nghị được vắng mặt trong các buổi làm việc, phiên họp công khai chứng cứ, phiên hòa giải, phiên xét xử của Tòa án. Bà Vân cam đoan không khiếu nại, thắc mắc gì.

Tòa án đã tiến hành phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 15/01/2025 nhưng không thành.

Tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu hủy hợp đồng đặt cọc do diện tích đất chuyển nhượng quy hoạch và có một phần đất lâm nghiệp, ngày 18/6/2024 bà H có hẹn ông T1 đến chiều để làm việc

thương lượng thêm nhưng ông T1 không phản hồi vẫn đến Văn phòng công chứng Trịnh Tuấn Anh sáng ngày 18/6/2024 để yêu cầu công chứng đồng thời ông Trung trình bày diện tích đất bị thiếu do với giấy CN QSD đất; bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên yêu cầu và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Sau khi kết thúc phần tranh luận, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên hủy hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 27/4/2024 giữa ông Phạm Đình T1 và bà Nguyễn Thị Ái V đối với thửa đất 28, 49, tờ bản đồ số 30 thôn 2, xã B'Lá, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng; không buộc ông Phạm Đình T1 phải trả lại số tiền đặt cọc cho bà Bạch Thị H là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

Về chi phí tố tụng; Về án phí đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Hồ Thị P, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ái V có đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] *Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền:* Nguyên đơn bà Bạch Thị H khởi kiện yêu cầu hủy hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất với bị đơn ông Phạm Đình T1 đối với thửa đất số 49, thửa 28, tờ bản đồ 30, xã B' Lá, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng, việc không thực hiện hợp đồng đặt cọc có liên quan đến thửa đất nên xác định quan hệ “*Tranh chấp hợp đồng đặt cọc*” và thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm giải quyết theo quy định **khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39** của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối chiếu các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự thấy rằng:*

3.1 Theo nội dung “*Hợp đồng đặt cọc ngày 27/4/2024 giữa ông Phạm Đình T1 với bà Bạch Thị H*” bản gốc do nguyên đơn xuất thể hiện: Vào ngày 27/4/2024 bà Bạch Thị H với ông Phạm Đình T1 có thỏa thuận việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và để đảm bảo việc chuyển nhượng QSD đất nên giữa bà H với ông T1 có thực hiện hợp đồng đặt cọc về việc chuyển nhượng QSD đất đối với thửa đất số 49, thửa 28, tờ bản đồ 30, diện tích lần lượt là 7878m² và 5579 m², thôn 2, xã B' Lá, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng với giá

chuyển nhượng là 3.200.000.000 đồng, bà H đặt cọc số tiền 200.000.000 đồng. Hợp đồng đặt cọc được viết theo mẫu in sẵn, bà Nguyễn Thị Ái V đứng ra đặt cọc thay cho bà H. Số tiền 200.000.000 đồng là tiền của bà H chứ không phải của bà Vân. Theo thỏa thuận tại hợp đồng đặt cọc ngày 27/4/2024 thì hai bên thỏa thuận thời hạn đặt cọc là 45 ngày, kể từ ngày 27/4/2024 đến ngày 11/6/2024 thì bên chuyển nhượng sẽ cùng bên nhận chuyển nhượng thực hiện thủ tục công chứng theo quy định của pháp luật, đến ngày công chứng thì sẽ giao đủ tiền. Về thuế, phí do bên mua bà Bạch Thị H chịu. Bên bán cam kết đất không tranh chấp, đúng số lô, số thửa, không quy hoạch và bên mua được quyền chuyển nhượng cho bên thứ 3. Tại phần cam kết chung bên bán cam kết là tài sản của mình, không bị tranh chấp, không thừa kế, không có tranh chấp. Sau khi hợp đồng được ký kết, quá thời hạn thỏa thuận nếu bên bán không bán thì phải bồi thường cho bên mua gấp 2 lần, nếu bên mua không mua thì mất số tiền đặt cọc. Nội dung và việc đặt cọc như trên được bà H cũng như ông T1 thừa nhận là đúng. Đồng thời bà Nguyễn Thị Ái V cũng thừa nhận nội dung như các bên thỏa thuận trên là đúng sự việc.

Tuy nhiên theo bà Bạch Thị H trình bày đến ngày 07/6/2024 thì bà H phát hiện ra một phần diện tích đất thuộc thửa đất số 49, thửa 28, tờ bản đồ 30 bị quy hoạch đất khoáng sản và đất lâm nghiệp nên bà H thay đổi thỏa thuận lại giá cả chuyển nhượng nhưng ông T1 không đồng ý nên bà H không đồng ý tiếp tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên và ông T1 cũng không đồng ý trả lại tiền. Còn phía ông T1 cho rằng ngày 11/6/2024 bà H hẹn ông T1 đến Văn phòng công chứng Nguyễn Thị Thanh để giao tiền còn lại và hoàn tất thủ tục chuyển nhượng QSD đất nhưng bà H không đến. Sau đó bà H tìm cách không mua nữa mà muốn hủy hợp đồng đặt cọc vì cho rằng đất thuộc quy hoạch khoáng sản và có một phần là đất lâm nghiệp. Ngày 28/6/2024 ông T1 hẹn bà H đến Văn phòng công chứng Trịnh Tuấn Anh ở thị trấn Lộc Thắng để hoàn tất thủ tục chuyển nhượng nhưng bà H không đến nên các bên phát sinh tranh chấp.

Qua xác minh tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Bảo Lâm thì qua kiểm tra bản đồ quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng theo Quyết định số 1898/QĐ- UBND ngày 02/10/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng thì thửa đất số 28, 49- tờ bản đồ 30 (cũ), thôn 2, xã B' Lá, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng thuộc quy hoạch đất nông nghiệp do vậy việc bà Bạch Thị H cho rằng một phần diện tích đất thuộc thửa đất số 49, thửa 28, tờ bản đồ 30 bị quy hoạch đất khoáng sản và đất lâm nghiệp là không có căn cứ. Hai thửa đất trên vẫn được thực hiện việc chuyển quyền không bị ảnh hưởng bởi quy hoạch nào. Do vậy việc bà Bạch Thị H không tiếp tục thực hiện hợp đồng đặt cọc ngày 27/4/2024 là lỗi hoàn toàn thuộc về bà H và hiện nay các bên đã không còn tiếp tục thực hiện hợp đồng đặt cọc nêu trên. Do vậy việc bà Bạch Thị H và ông Phạm Đình T1 yêu cầu hủy hợp đồng đặt cọc ngày 27/4/2024 là đúng hoàn toàn có cơ sở để chấp nhận.

Bên cạnh đó tại phiên tòa ông Bùi Công T trình bày ông T1 có gia hạn cho bà H đến ngày 18/6/2024 sẽ thực hiện việc công chứng tại Văn phòng công chứng Trịnh Tuấn Anh nhưng bà H có điện thoại, nhắn tin để ông T1 dời qua chiều ngày 18/6/2024 để thương lượng tiếp nhưng ông T1 không phản hồi mà

vẫn đến Văn phòng công chứng Trịnh Tuấn Anh để thực hiện việc công chứng sau đó lập vi bằng. Đồng thời ông Trung cho rằng diện tích đất chuyển nhượng bị thiếu so với giấy CN QSD đất.

Qua xem xét Vi bằng ngày 16/6/2024 của Văn phòng thừa phát lại thành phố bảo Lộc đã gửi thư thông báo cho bà H và Vi bằng ngày 18/6/2024 thể hiện lúc 07 giờ 30 phút ngày 18/6/2024 vợ chồng ông T1 có mặt tại Văn phòng công chứng Trịnh Tuấn Anh để thực hiện thủ tục công chứng quyền sử dụng đất nhưng đến 11 giờ 30 phút không thấy bà H nên đã ra về. Chứng tỏ ông T1 vẫn tích cực thực hiện tiếp tục hợp đồng đặt cọc và đồng ý tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất mặc dù đã quá 07 ngày so với thời hạn 11/6/2024 trong thỏa thuận giấy cọc nhưng bà H vẫn cố ý không thực hiện thỏa thuận.

Việc ông Trung cho rằng diện tích đất bị thiếu so với giấy CN QSD đất là không có căn cứ gì để xem xét, ông Trung cũng không cung cấp bất cứ tài liệu chứng cứ gì liên quan. Các bên thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo diện tích đất được cấp giấy CN QSD đất là đúng quy định của pháp luật. Thỏa thuận đặt cọc cũng không liên quan đến diện tích đất bị thiếu mà chỉ liên quan việc đúng số lô, số thửa, đất quy hoạch, đất tranh chấp nên không có cơ sở để chấp nhận đối với trình bày của ông Trung.

3.2 Bị đơn không đồng ý trả lại số tiền đặt cọc là 200.000.000 đồng do lỗi của Nguyên đơn. Xét thấy việc không thể tiếp tục thực hiện được hợp đồng chuyển nhượng là do bà Bạch Thị H không tiến hành tiếp tục giao tiền để chuyển nhượng quyền sử dụng đất trong khi bị đơn vẫn đồng ý chuyển nhượng toàn bộ các thửa đất trên nên lỗi phát sinh trong hợp đồng đặt cọc này là do bà H đã vi phạm nghĩa vụ nên bà H không được nhận lại số tiền đã đặt cọc là 200.000.000 đồng theo phần cam kết chung của Hợp đồng đặt cọc ngày 27/4/2024. Do vậy, Bị đơn không đồng ý trả lại số tiền 200.000.000 đồng là có cơ sở để chấp nhận.

3.3 Từ những chứng cứ và phân tích trên, cần căn cứ **Điều 116, Điều 117, Điều 119, Điều 328 Bộ luật dân sự** tuyên bố hủy Hợp đồng đặt cọc ngày 27/4/2024 giữa ông Phạm Đình T1 với bà Bạch Thị H. Không buộc ông Phạm Đình T1 có trách nhiệm trả lại số tiền đã nhận đặt cọc là 200.000.000 đồng.

3.4 *Về chi phí tố tụng*: Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ với số tiền là 2.700.000 đồng, do nguyên đơn không được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên buộc nguyên đơn chịu toàn bộ chi phí trên. Ông Bùi Công T đã nộp và quyết toán xong trong hồ sơ vụ án.

[4] *Về án phí*: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận nên cần buộc nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm về việc yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất là 300.000 đồng án phí không có giá ngạch và chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền không được chấp nhận là $200.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 10.000.000 \text{ đồng}$, tổng cộng án phí nguyên đơn phải chịu là 10.300.000 đồng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH :

Áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 328 Bộ luật dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu một khởi kiện của nguyên đơn bà Bạch Thị Bảo về việc “*Tranh chấp hợp đồng đặt cọc*”.

Tuyên bố hủy Hợp đồng đặt cọc ngày 27/4/2024 giữa ông Phạm Đình T1 với bà Bạch Thị H.

Ông Phạm Đình T1 không có trách nhiệm phải trả lại số tiền 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*) cho bà Bạch Thị H.

2. **Về chi phí tố tụng:** Bà Bạch Thị H phải nộp số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 2.700.000 đồng (*Đã nộp và quyết toán xong trong hồ sơ*).

3. **Về án phí:** Buộc bà Bạch Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 10.300.000 đồng, được cản trừ vào số tiền 5.300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0006520 ngày 24/7/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng. Bà Bạch Thị H còn phải nộp số tiền 5.000.000 đồng.

4. Án xử công khai, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

(*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chỉ được kháng cáo phần có liên quan*).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2015.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Bảo Lâm;
- Chi cục THA dân sự H. Bảo Lâm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(*đã kí*)

Trần Thị Hà Vi

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Thị Hồng Liên- Hồ Đình Quảng

Trần Thị Hà Vi

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Đức Lâm Lê Thị Sáu

Trần Thị Hà Vi

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Đình Quảng Lê Thị Sáu

Trần Thị Hà Vi

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Đình Quảng Phạm Đức Minh

Trần Thị Hà Vi

